TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Bích**

Bà **Nguyễn Minh Phương**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1009/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1996 (Có mặt).

ĐKTT: Ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Số A, phường C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Đỗ Minh N**, sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, phường C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Thu T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Đỗ Minh N qua tìm hiểu, tự nguyên tiến đến hôn nhân vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/07/2017. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân chủ yếu là do ông bà bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông bà đã không chung sống cùng nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Minh N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Minh N đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Thu T và ông Đỗ Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2017, ngày 19/07/2017. Nay bà Võ Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Minh N. Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Đỗ Minh N cư trú tại số 233/46/23H Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu T, nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Võ Thị Thu T và ông Đỗ Minh N phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Theo bà T trình bày, bà và ông N đã không còn sinh sống cùng nhau và không tìm được phương án hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Về phía ông N, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông N đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều này cho thấy ông N không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà T.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông N đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống bà và ông N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các mối quan hệ này thì các đương sự được khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T được ly hôn với ông Đỗ Minh N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số 0004730 ngày 08/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSNDKV1-Cần Thơ;
- Phòng THADSKV1-Cần Thơ;
- UBND P. Cái Khế, Tp.Cần Thơ (Số 105/2017 ngày 19/7/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến